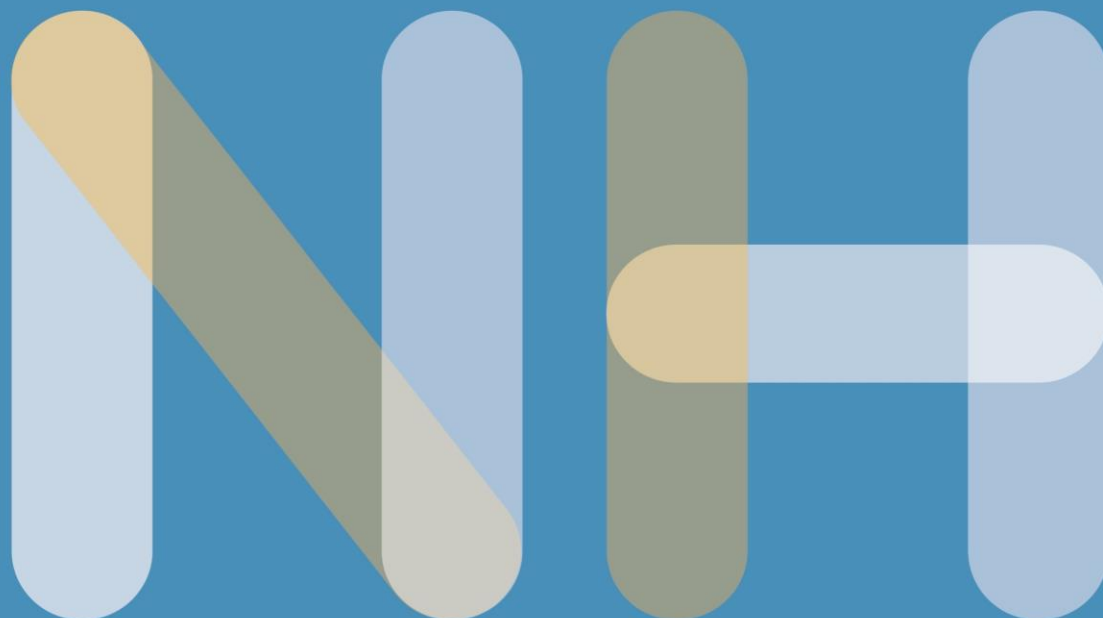


BẢN TIN HÀNG NGÀY

29 tháng 4 năm 2026



VIC VHM điều chỉnh giảm, Vn-Index giảm 21.7 điểm

- Vn-Index giảm dần trong suốt ngày giao dịch và đóng cửa giảm 21.7 điểm
- VIC VHM giảm mạnh lần lượt 5.1% và 3.3%, đóng góp 22.5 điểm vào chiều giảm
- Tuy vậy, số lượng mã tăng lại lớn hơn số lượng mã giảm điểm
- Nhiều nhóm ngành tăng điểm như bất động sản, dầu khí, chứng khoán, phân bón
- PC1 và KDC đều đã được giải cứu khỏi giá sàn, trong đó KDC thậm chí còn tăng 5.3%
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 2.1% so với ngày trước đó

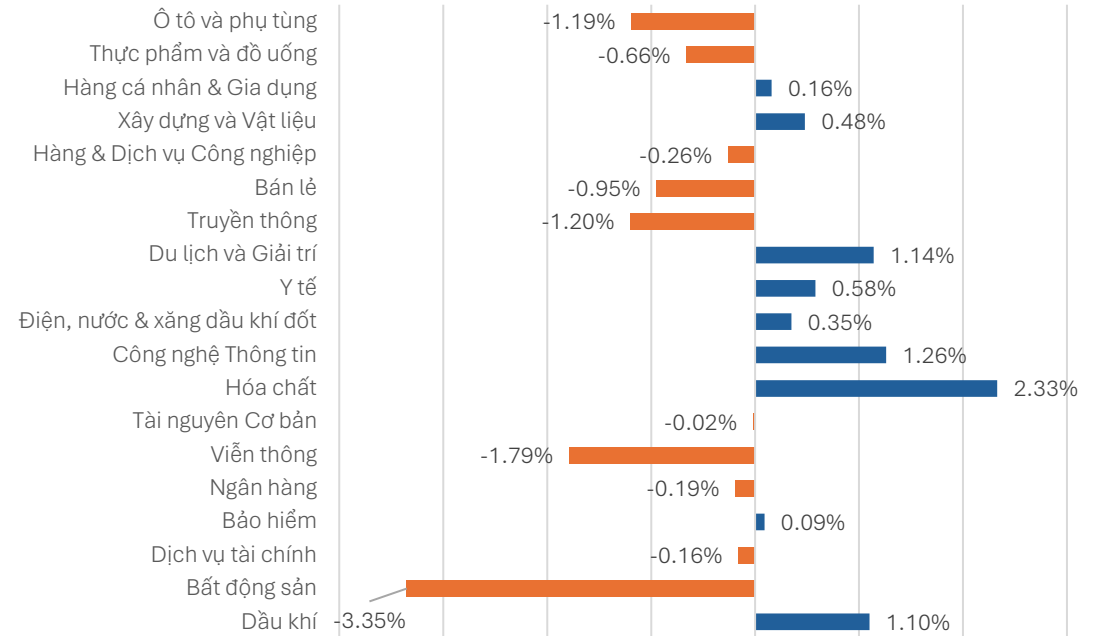


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,857.4	249.9	127.3
(+/-)	-18.41	0.46	-0.37
(%)	-0.98%	0.18%	-0.29%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	350	35	11
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	18,008	526	166
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,343)	75	1
Số mã tăng	161	75	76
Số mã giảm	136	61	93
Số mã giá không đổi	70	59	77

1.

Nhận định thị trường

- Vn-Index đang ở vùng đỉnh 1,880 điểm; và VIC VHM cũng đã tăng quá cao nên điều chỉnh cũng là bình thường
- Tuy vậy, số lượng mã tăng lớn hơn số mã giảm nên hôm nay là phiên tích cực nhẹ với nhà đầu tư
- Dù hôm nay đa phần cổ phiếu có tăng nhẹ, nhưng vẫn ở vùng rất thấp từ đáy.
- Giờ không phải thời điểm bán ra, đây là lúc mua vào chờ đợi bùng nổ
- Bất động sản vẫn đang là nhóm ngành mạnh mẽ nhất, ngoại trừ 1 vài mã tăng quá sốc như VIC VHM NVL



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	18.12	1.69
2	Nguyên vật liệu	16.03	1.64
3	Công nghiệp	13.54	1.87
4	Hàng Tiêu dùng	14.95	2.42
5	Dược phẩm và Y tế	15.88	1.62
6	Dịch vụ Tiêu dùng	22.61	3.84
7	Viễn thông	26.07	6.26
8	Tiện ích Cộng đồng	12.81	1.70
9	Tài chính	24.46	3.08
10	Ngân hàng	9.30	1.53
11	Công nghệ Thông tin	13.18	2.71

2.

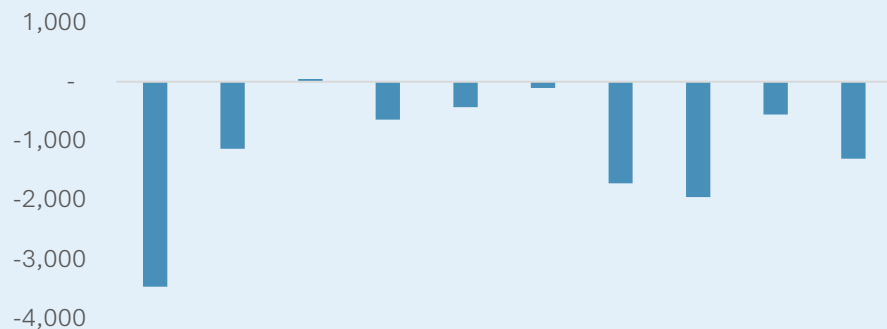
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
LPB	3.73%	VRE	4.87%	TVS	2.24%	KDC	5.29%	CII	1.58%	NKG	0.35%	GAS	2.31%	DCM	5.82%
SHB	0.69%	DIG	4.26%	VIX	2.14%	MCM	1.42%	CTD	0.93%	PTB	0.20%	BWE	1.64%	AAA	4.58%
CTG	0.43%	DXG	3.02%	CTS	0.77%	ASM	0.72%	VCG	0.45%	HPG	0.00%	CHP	1.07%	DPM	3.31%
NAB	0.36%	HDC	2.96%	AGR	0.35%	HAG	0.62%	BMP	0.14%	DHC	-0.56%	TDM	0.52%	DGC	2.49%
SSB	0.30%	QCG	2.22%	VND	0.31%	DBC	0.44%	HTI	0.00%	HSG	-0.62%	REE	0.50%	GVR	2.12%
MBB	0.19%	DXS	2.22%	HCM	0.00%	BHN	0.17%	HHV	0.00%	ACG	-0.89%	NT2	0.41%	DPR	1.35%
MSB	0.00%	SJS	2.12%	SSI	0.00%	FMC	0.00%	VGC	-0.93%			GEG	0.35%	PHR	0.33%
VCB	0.00%	PDR	1.54%	EVF	0.00%	VCF	0.00%	CTR	-1.60%			POW	0.00%	VFG	0.00%
TPB	0.00%	TCH	1.40%	VCI	-0.19%	PAN	-0.32%	PC1	-6.46%			TMP	0.00%	CSV	-0.76%
OCB	0.00%	HDG	1.37%	BSI	-0.43%	VNM	-0.49%					VSH	0.00%		
ACB	0.00%	IJC	1.00%			BAF	-0.55%					HNA	0.00%		
HDB	0.00%	CRE	0.92%			SBT	-0.73%					PGV	-0.21%		
BID	-0.12%	NLG	0.73%			MSN	-0.78%					PPC	-0.60%		
EIB	-0.46%	VPI	0.66%			VHC	-1.29%					SHP	-0.87%		
STB	-0.88%	SIP	0.00%			ANV	-1.65%					PGD	-1.48%		
VIB	-0.91%	SZC	0.00%			SAB	-2.06%								
VPB	-1.85%	KOS	0.00%												
TCB	-2.17%	NVL	0.00%												
		KDH	0.00%												
		KBC	-0.29%												
		BCM	-0.75%												
		VHM	-3.31%												
		VIC	-5.10%												

3.

Giao dịch khối ngoại

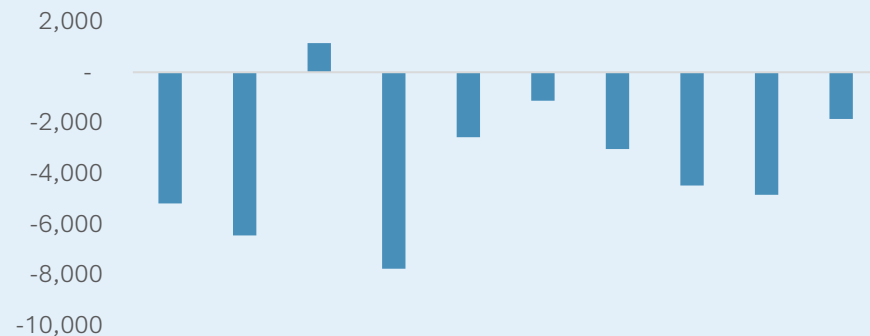
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VRE	HOSE	228.97	89.88	139.09
2	PVS	HNX	55.99	2.90	53.09
3	DCM	HOSE	71.01	22.42	48.59
4	GEX	HOSE	83.50	46.32	37.17
5	DIG	HOSE	41.62	7.31	34.32
6	GMD	HOSE	30.66	2.51	28.14
7	GAS	HOSE	35.17	9.41	25.76
8	GVR	HOSE	23.38	0.72	22.67
9	HDC	HOSE	20.59	1.10	19.49
10	PVD	HOSE	20.33	1.33	19.00
11	MSB	HOSE	21.49	4.00	17.49
12	PLX	HOSE	30.35	13.60	16.74
13	HSG	HOSE	17.26	1.47	15.78
14	CEO	HNX	15.63	0.01	15.62
15	BSR	HOSE	81.67	67.48	14.19

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	240.47	642.03	- 401.56
2	PC1	HOSE	50.91	283.66	- 232.75
3	VHM	HOSE	332.40	478.78	- 146.39
4	VCB	HOSE	30.22	172.62	- 142.40
5	FPT	HOSE	107.51	226.68	- 119.17
6	ACB	HOSE	108.66	217.80	- 109.14
7	NVL	HOSE	8.66	114.04	- 105.38
8	BID	HOSE	8.08	105.84	- 97.76
9	MSN	HOSE	23.78	89.55	- 65.77
10	CTG	HOSE	18.57	71.15	- 52.59
11	VPB	HOSE	27.34	73.48	- 46.15
12	HDB	HOSE	10.93	49.16	- 38.23
13	VCI	HOSE	12.20	46.35	- 34.15
14	ACV	UPCoM	1.04	27.27	- 26.23
15	MCH	HOSE	0.74	24.38	- 23.64

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	104.40	2.66%	6.01%	71.57%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	99.43	3.18%	7.92%	73.16%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,590.92	-2.15%	-2.59%	6.13%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,113	0.01%	0.05%	-0.03%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,368	0.01%	0.05%	-0.03%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,800	0.00%	0.75%	-0.07%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	3.90%	-0.48%	-1.92%	2.13%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.50%	0.00%	0.04%	0.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.58%	0.00%	0.04%	0.40%

UAE rời liên minh OPEC từ ngày 01/05

Động thái này được xem là cú giáng mạnh vào liên minh điều phối sản lượng của nhiều nhà sản xuất dầu lớn nhất thế giới, đặc biệt tại Trung Đông.

Quyết định này có thể khiến: 1) UAE dễ dàng tăng sản lượng khai thác mà không bị ràng buộc bởi OPEC, và 2) Khiến OPEC mất khoảng 4% thị phần sản lượng, đồng thời làm suy giảm khả năng kiểm soát giá dầu, do công suất dự phòng thu hẹp. Dự kiến sản lượng dầu có thể tăng và giúp giá dầu giảm trong tháng 5.

Iran dự kiến trình một đề xuất hòa bình sửa đổi

Iran được cho là sẽ trình đề xuất hòa bình mới thông qua trung gian Pakistan trong vài ngày tới, sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump phát tín hiệu không chấp nhận phương án trước đó.

Tổng thống Trump: Iran thông báo với Mỹ đang trong tình trạng "sụp đổ"

5.

Bản tin doanh nghiệp



MSB lãi gần 1.900 tỷ đồng trong quý I, thu nhập lãi thuần tăng 28%

Trong quý I/2026, thu nhập lãi thuần tăng 28% so với cùng kỳ lên gần 3.197 tỷ đồng. Các nguồn thu ngoài lãi của ngân hàng có phần kém sáng khi lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm 41% so với cùng kỳ xuống 248 tỷ đồng; lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối giảm 53% xuống 119 tỷ đồng.

Trong khi đó, chi phí hoạt động của ngân hàng chỉ nhích nhẹ 2% lên 1.259 tỷ đồng. Nhờ vậy lãi thuần từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng tăng 18% lên 2.390 tỷ đồng.

Cuối cùng, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 27% lên 500 tỷ đồng, và LNST đạt 1.514 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.



Vingroup báo lãi kỷ lục trong quý I: doanh thu thuần tăng 24% và LNTT tăng khoảng 150% so với quý I/2025

Ở khối Công nghệ – Công nghiệp, VinFast ghi nhận sản lượng bàn giao ô tô điện trong quý I/2026 đạt hơn 53.684 xe. Riêng ngày 28/03/2026, doanh nghiệp bàn giao hơn 3.500 xe ô tô điện cho khách hàng.

Đối với mảng xe máy điện, kết quả ghi nhận gần 143.136 xe được bàn giao trong quý, tăng gấp 3,9 lần so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong tháng 3, VinFast đã bàn giao hơn 93.000 xe máy điện và tiếp nhận khoảng 135.000 đơn đặt hàng.



CII: Lãnh đạo tuyên bố 'không thể hứa bất kỳ điều gì về dự án Thủ Thiêm'

Lãnh đạo CII thừa nhận các dự án tại Thủ Thiêm bị chậm do vướng pháp lý và không thể cam kết tiến độ cụ thể.

CII trước đây đầu tư vào khu vực Thủ Thiêm với mức giá khoảng 26 triệu đồng/m², tương ứng tổng vốn khoảng 2.600 tỷ đồng. Dù khẳng định công ty không bị mất chi phí vốn đầu tư hạ tầng tại dự án này, vị Tổng Giám đốc cũng chỉ ra rằng chiến lược "xây nhanh, bán nhanh để thu hồi vốn" không còn tính khả thi vì bối cảnh thị trường hiện nay đã hoàn toàn khác so với trước đây.

6.

Lịch sự kiện

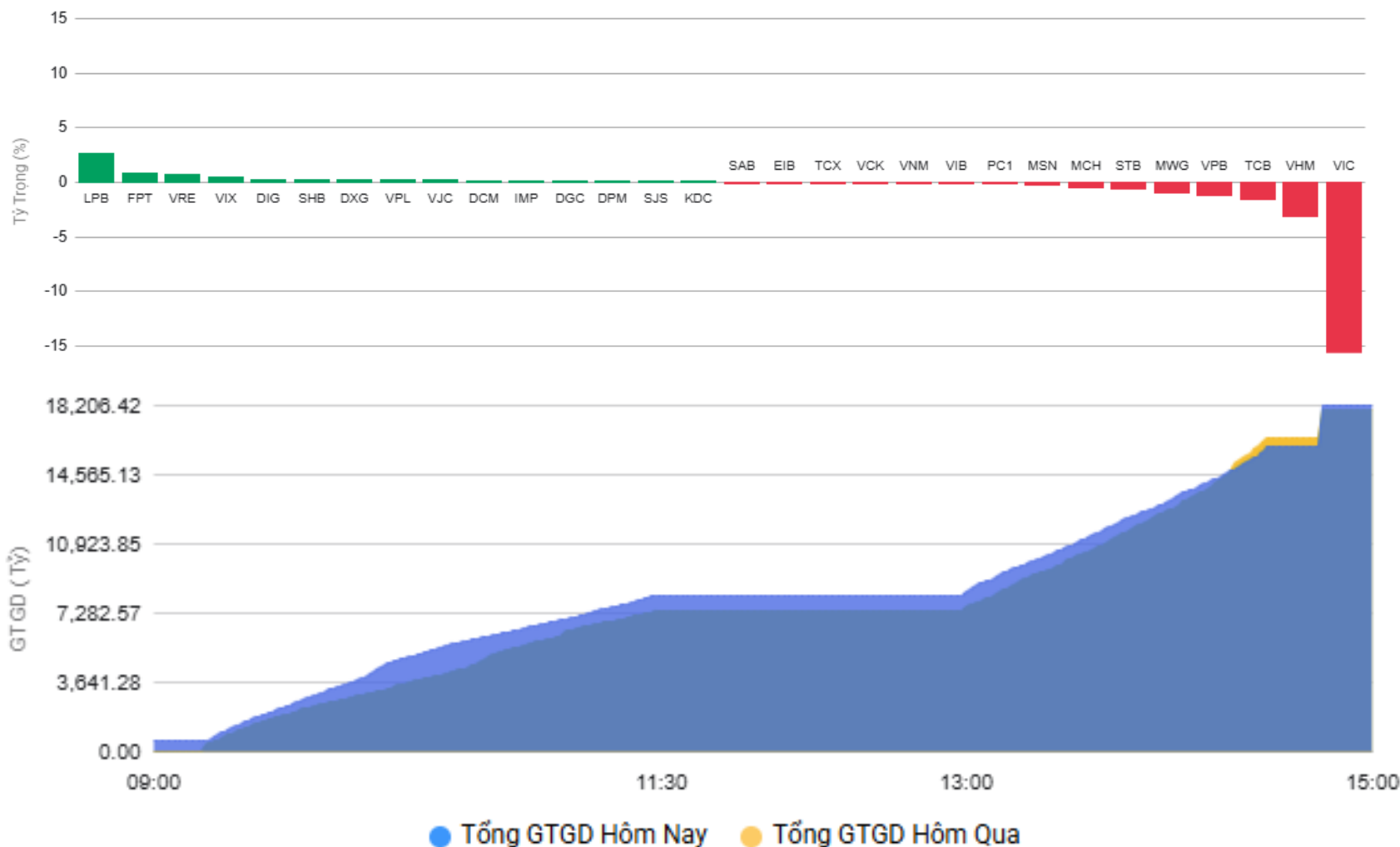
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
CCM	29/04/2026	23/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
RAL	29/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
VIB	29/04/2026	03/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	9%	900
TJC	29/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	90%	9,000
EID	04/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17%	1,700
BVL	04/05/2026		Trả cổ tức bằng cổ phiếu	20%	
HSG	04/05/2026		Trả cổ tức bằng cổ phiếu	30%	
PSC	04/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7%	700
S55	04/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
TIP	04/05/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2%	200
PDB	05/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	40%	4,000
GEE	05/05/2026		Phát hành cổ phiếu thưởng	75%	
DHD	05/05/2026		Phát hành cổ phiếu thưởng	35%	
GEX	05/05/2026		Trả cổ tức bằng cổ phiếu	25%	
GEX	05/05/2026		Phát hành cổ phiếu thưởng	20%	

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (29/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	26,500	28.3%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,250	44.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,850	9.3%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,050	16.6%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,500	22.3%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,600	21.0%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	34,950	15.0%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	59,800	20.4%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,100	19.0%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	67,500	-13.0%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	27,750	23.2%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	16,150	15,950	1.3%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,350	11.1%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	75,300	18.7%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	21,350	28.6%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	55,100	36.8%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (29/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,750	62.2%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	25,400	65.4%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,350	35.5%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,360	63.0%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	33,900	19.5%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	53,200	56.0%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	32,300	-7.1%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	146,000	-40.3%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	19,100	26.7%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,450	13.1%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	22,000	35.2%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,150	7.0%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	86,800	1.0%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	149,000	14.1%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	84,000	28.0%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	31,000	30.6%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	50,000	43,450	15.1%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

